

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vĩ Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thiều.
2. Ông Nguyễn Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 471/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985.
Địa chỉ: KP3/228, khu phố Nội ÔB, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN;
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1988.
Địa chỉ: tổ 32, ấp Trâm Vàng 3, xã TP, huyện GD, tỉnh TN;

Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị S đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim S kết hôn vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có qua tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN. Sau khi cưới do hoàn cảnh khó khăn vợ chồng thuê nhà trọ sinh sống tại khu phố Thanh B, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN. Thời gian

đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị S không trung thực, chị S tự ý lấy nữ trang vàng cưới và tài sản chung của vợ chồng tự sử dụng cá nhân riêng không cho anh hay biết; khi anh hỏi chuyện thì chị S không trả lời, từ đó vợ chồng thường hay cãi vã lẫn nhau về chuyện tiền bạc. Đến tháng 4 năm 2019 chị S tự ý thu dọn đồ đạc bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay tình cảm không còn, không ai muốn đoàn tụ. Nay anh yêu cầu được ly hôn cùng chị S.

Vàng cưới: Không còn, đã bán hết, anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim S: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ và hòa giải, nhưng chị S không đến và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn N đối với chị Nguyễn Thị Kim S theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Không có, không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn anh N có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị S Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên vụ án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Kim S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh N và chị S không hạnh phúc; anh N cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2018, lỗi thuộc về chị S không trung thực, tự ý lấy tài sản chung của vợ chồng đi tiêu xài cá nhân không cho anh biết, vợ chồng thường hay cãi vã lẫn nhau mâu thuẫn về tiền bạc, sau đó chị S tự ý bỏ nhà ra đi, về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Nay anh N yêu cầu xin được ly hôn cùng chị S.

Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án chị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng chị S vẫn vắng mặt. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị S không có hạnh phúc, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

Về án phí: Anh N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn N đối với chị Nguyễn Thị Kim S.

Anh Nguyễn Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim S.

Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Anh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ghi nhận anh N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0009331 ngày 17/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu được khấu trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hay tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện GD;
- THADS huyện GD;
- UBND thị trấn GD;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Lê

